

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn
và thủy sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Thú y ngày 16/6/2015; Luật Thủy sản ngày 21/11/2017; Luật Chăn nuôi ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;

Căn cứ Quyết định số 719/QĐ-TTg ngày 05/6/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm; Quyết định số 1442/QĐ-TTg ngày 23/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 719/QĐ-TTg ngày 05/6/2008;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản; Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn; Thông tư số 24/2019/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2019 và Thông tư số 09/2021/TT-BNNPTNT ngày 12/8/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT; Thông tư số 12/2024/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016;

Thực hiện Công điện số 22/CĐ-TTg ngày 14/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc tập trung thực hiện nghiêm công tác phòng, chống bệnh Đại; chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại: Văn bản số 6289/BNN-TY ngày 23/8/2024 về khẩn trương xây dựng Kế hoạch chủ động phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm năm 2025 và Công văn số 7361/BNN-TY ngày 01/10/2024 về xây dựng kế hoạch và bố trí kinh phí phòng chống dịch bệnh năm 2025;

Căn cứ các Quyết định, Kế hoạch của UBND tỉnh: Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 về ban hành Kế hoạch phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2020 - 2025; Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 về ban hành Kế hoạch phòng, chống bệnh Lở mồm long móng trên địa bàn tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số

450/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 về ban hành Kế hoạch quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường trong nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 730/KH-UBND ngày 09/4/2019 về phòng, chống bệnh Cúm gia cầm giai đoạn 2019 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 13/01/2022 về phòng, chống bệnh Viêm da nổi cục ở trâu, bò trên địa bàn tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2022 - 2030; Kế hoạch số 1258/KH-UBND ngày 06/9/2021 về phòng, chống một số dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản nuôi trên địa bàn tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch số 568/KH-UBND ngày 25/3/2022 về phòng, chống bệnh Đại trên địa bàn tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2022-2030 và Kế hoạch số 2354/KH-UBND ngày 11/10/2024 sửa đổi, bổ sung Kế hoạch số 568/KH-UBND ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 206/TTr-SNNPTNT ngày 06/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn và thủy sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2025 (cụ thể có Kế hoạch kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Chi cục trưởng Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Cục Thú y;
- Lưu: VT, KTTH, NL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Mah Tiệp

KẾ HOẠCH

Phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn và thủy sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

1. Mục đích, yêu cầu

1.1. Mục đích

- Thông qua triển khai các hoạt động phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn và thủy sản để tạo chuyển biến mạnh mẽ, căn bản về nhận thức, trách nhiệm của người chăn nuôi, cộng đồng về nguy cơ, tác hại của dịch bệnh động vật; đồng thời nhanh chóng phát hiện dập tắt các ổ dịch bệnh phát sinh, xử lý kịp thời, không để lây lan diện rộng.

- Chủ động và thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm và thủy sản, giảm thiểu thiệt hại do dịch bệnh gây ra, đảm bảo sản xuất chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản phát triển ổn định, bền vững, bảo vệ, nâng cao sức khỏe Nhân dân, thúc đẩy kinh tế phát triển.

1.2. Yêu cầu

- Xây dựng Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn và thủy sản cần phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và chủ động triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật tuân theo các quy định của pháp luật về chăn nuôi, thú y, thủy sản huy động nhân, tài, vật lực phục vụ có hiệu quả công tác phòng, chống dịch tránh gây thất thoát, lãng phí.

- Tổ chức thực hiện cần có sự phối hợp của các cấp, ngành, tổ chức có liên quan từ cấp tỉnh, cấp huyện đến cấp xã, thôn, hộ chăn nuôi trong công tác phòng, chống dịch.

2. Nội dung của kế hoạch

- Thực hiện các biện pháp phòng bệnh, chẩn đoán, chữa bệnh; quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi; giám sát, dự báo, cảnh báo dịch bệnh; điều tra dịch bệnh; phân tích nguy cơ; khống chế dịch bệnh động vật như tiêm phòng vắc xin, áp dụng các biện pháp an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh,...

- Thực hiện vệ sinh, khử trùng, tiêu độc môi trường chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

- Thực hiện tốt các chương trình, kế hoạch phòng, chống dịch bệnh trên động vật, bệnh lây truyền giữa động vật và người; duy trì, phát triển cơ sở an toàn dịch bệnh động vật từng bước tiến tới xây dựng được vùng an toàn dịch bệnh.

- Thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về dịch bệnh động vật, chính sách hỗ trợ trong phòng, chống dịch bệnh động vật.

- Tuyên truyền, phổ biến, tập huấn triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật.

3. Giải pháp thực hiện kế hoạch

3.1. Tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra

- Tổ chức chỉ đạo triển khai Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn và thủy sản trên địa bàn tỉnh đảm bảo đồng bộ, kịp thời, hiệu quả.

- Kiểm tra về công tác tổ chức, chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm và thủy sản trên địa bàn tỉnh; tổ chức kiểm tra việc triển khai công tác tiêm phòng, vệ sinh tiêu độc khử trùng môi trường, chỉ đạo kịp thời tránh gây thất thoát vắc xin, hóa chất và không đúng đối tượng được thụ hưởng,...

3.2. Về nguồn lực

- Huy động cả hệ thống chính quyền, đoàn thể tham gia vào công tác phòng, chống dịch bệnh khi có dịch bệnh xảy ra trên địa bàn.

- Sử dụng hệ thống cán bộ thú y cấp tỉnh; cán bộ, nhân viên thú y của các huyện, thị xã, thành phố; lực lượng nhân viên thú y xã, phường, thị trấn và những người đã qua tập huấn nghiệp vụ thú y.

- Sử dụng vật tư, hóa chất và các trang thiết bị hiện có và mua bổ sung để đảm bảo phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh.

3.3. Giải pháp kỹ thuật

3.3.1 Tiêm phòng vắc xin

Tạo miễn dịch chủ động cho đàn vật nuôi trên địa bàn tỉnh, theo quy định tại mục 1 Phụ lục 07 của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT và Điều 1 Thông tư số 09/2021/TT-BNNPTNT về các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm phải áp dụng biện pháp phòng bệnh bắt buộc bằng vắc xin cho động vật nuôi, cụ thể:

a) Đối với đàn trâu, bò

- Tiêm phòng vắc xin Lở mồm long móng (LMLM) cho đàn trâu, bò:

+ Đối tượng tiêm phòng: Trâu, bò khỏe mạnh.

+ Loại vắc xin: Vắc xin LMLM 2 type O&A.

+ Số lượng: Đảm bảo tiêm vắc xin cho tối thiểu 80% tổng đàn thuộc diện phải tiêm phòng.

+ Thời gian tiêm phòng: Bảo đảm 2 lần tiêm phòng trong năm, mỗi lần cách nhau 6 tháng (đợt 1: Vào khoảng tháng 4 - 5 năm 2025; đợt 2: Vào khoảng tháng 9 - 10 năm 2025).

- Tiêm phòng vắc xin Viêm da nổi cục (VDNC) cho trâu, bò:

+ Đối tượng tiêm phòng: Trâu, bò khỏe mạnh.

+ Loại vắc xin: Vắc xin VDNC trâu, bò.

+ Số lượng: Đảm bảo tỷ lệ tiêm đạt trên 80% tổng đàn tại thời điểm tiêm phòng và bổ sung cho đàn trâu, bò chưa được tiêm phòng, phát sinh, nhập đàn trước và sau đợt tiêm chính.

+ Thời gian tiêm phòng: Tiêm 01 lần vào tháng 7 - 8 năm 2025.

- Tiêm phòng các loại vắc xin khác như Tụ huyết trùng,... các địa phương chủ động xây dựng Kế hoạch triển khai phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương đảm bảo hiệu quả trong phòng, chống dịch bệnh.

b) Đối với đàn lợn: Tiêm vắc xin phòng các loại bệnh như Lở mồm long móng, Tụ huyết trùng, Phó thương hàn, Dịch tả lợn cổ điển, Dịch tả lợn Châu Phi,... các địa phương chủ động xây dựng kế hoạch triển khai phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương đảm bảo hiệu quả trong phòng, chống dịch bệnh.

c) Đối với đàn chó, mèo: Tiêm vắc xin phòng bệnh Đại.

- Đối tượng tiêm phòng: Chó, mèo khỏe mạnh.

- Loại vắc xin: Vắc xin Đại.

- Số lượng: Tiêm vắc xin đại cho đàn chó, mèo đảm bảo tối thiểu trên 80% tổng đàn chó, mèo trên từng địa bàn cấp xã.

- Thời gian: Đợt chính tiêm 01 lần vào tháng 3-4 năm 2025, tiêm bổ sung đối với chó, mèo chưa được tiêm phòng tại đợt tiêm chính.

(có Phụ lục 1 kèm theo)

d) Đối với đàn gia cầm: Tỉnh nằm trong vùng nguy cơ thấp đối với bệnh Cúm gia cầm do đó các tổ chức, cá nhân chăn nuôi gia cầm chủ động mua vắc xin tiêm phòng Cúm gia cầm; ngân sách nhà nước chỉ tiêm phòng bao vây ổ dịch Cúm gia cầm (khi có dịch xảy ra) hoặc khi có bằng chứng vi rút Cúm gia cầm lưu hành và có khả năng gây bệnh, lây lan.

e) Đối với động vật chưa được tiêm phòng theo Kế hoạch của tỉnh, của huyện: Tuyên truyền, vận động các hộ chăn nuôi chủ động mua vắc xin và tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm của cơ sở theo quy trình nuôi như các loại vắc xin: Tai xanh ở lợn; Cúm gia cầm; Niu cát sôn ở gà và Dịch tả ở vịt...

f) Hình thức tổ chức tiêm phòng các loại vắc xin: Tổ chức triển khai tiêm đồng loạt trên địa bàn 17/17 huyện, thị xã, thành phố. Ngoài thời gian tiêm phòng vắc xin theo chương trình của tỉnh, huyện, tổ chức tiêm phòng bổ sung khi cần thiết.

3.3.2 Giám sát dịch bệnh, giám sát tiêm phòng

a) Giám sát dịch bệnh động vật trên cạn

- Giám sát lâm sàng: Cơ quan chuyên môn phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức giám sát tình hình dịch bệnh đến tận các hộ, cơ sở chăn nuôi nhằm phát hiện sớm xử lý kịp thời khi có dịch bệnh xảy ra, không để bệnh phát triển lây lan trên diện rộng, giảm thiểu thiệt hại cho người chăn nuôi.

- Lấy mẫu giám sát bệnh:

+ Lấy mẫu giám sát lưu hành vi rút DTLCP: 29 mẫu máu lợn nhằm phát hiện sớm vi rút gây bệnh Dịch tả lợn Châu Phi.

+ Lấy mẫu giám sát lưu hành vi rút Cúm gia cầm trên gia cầm nhập lậu khi bị bắt giữ (dự kiến thực hiện 01 lần): 29 mẫu gộp (145 mẫu swab gộp thành 29 mẫu).

+ Lấy mẫu giám sát lưu hành vi rút LMLM: 29 mẫu huyết thanh bò nhằm phát hiện sớm vi rút gây bệnh LMLM trâu, bò.

+ Lấy mẫu giám sát lưu hành vi rút Viêm da nổi cục ở bò: 29 mẫu dịch mũi bò nhằm phát hiện sớm vi rút gây bệnh VDNC trâu, bò.

+ Lấy mẫu giám sát lưu hành vi rút Đại chó: 29 mẫu đầu chó nhằm phát hiện sớm vi rút gây bệnh Đại cho chó, mèo.

b) Giám sát dịch bệnh thủy sản: Thường xuyên kiểm tra giám sát tình hình dịch bệnh tại các cơ sở nuôi trồng thủy sản; trường hợp phát hiện động vật thủy sản nuôi có dấu hiệu bất thường, nghi mắc bệnh, tiến hành kiểm tra xác minh, tổ chức lấy mẫu, xét nghiệm phát hiện mầm bệnh có biện pháp xử lý phù hợp.

c) Giám sát tiêm phòng:

- Giám sát công tác tiêm phòng tại các địa phương trong quá trình triển khai tiêm phòng các loại vắc xin.

- Giám sát sau tiêm phòng vắc xin LMLM: Tổ chức lấy 122 mẫu huyết thanh trâu, bò (61 mẫu x 02 đợt/năm) xét nghiệm định tính kháng thể 02 serotype O&A để đánh giá đáp ứng miễn dịch sau khi tiêm phòng vắc xin.

d) Quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản: Tổ chức thực hiện Kế hoạch quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường trong nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai đã được phê duyệt tại Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 29/7/2021. Trên cơ sở kết quả quan trắc, giám sát môi trường, tổ chức khuyến cáo, hướng dẫn người dân triển khai các biện pháp ứng phó, phòng chống dịch bệnh trên đàn thủy sản nuôi.

3.3.3 Điều tra ổ dịch: Khi dịch bệnh động vật trên cạn và thủy sản xảy ra tổ chức điều tra nhằm tìm nguyên nhân gây ra dịch bệnh, xử lý ổ dịch đúng quy định, ngăn chặn không để dịch lây lan và hạn chế thiệt hại cho người chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

3.3.4 Vệ sinh, khử trùng tiêu độc

- Hình thức triển khai:

+ Tiêu độc khử trùng thường xuyên: Thực hiện vệ sinh tiêu độc khử trùng hàng ngày tại các khu vực có nguy cơ cao.

+ Tiêu độc khử trùng định kỳ: Thực hiện theo tháng vệ sinh tiêu độc khử trùng, dự kiến 3 đợt/ năm.

+ Tiêu độc khử trùng khi có dịch bệnh xảy ra: Tổ chức tiêu độc khử trùng tại nơi có dịch bệnh, khu vực xung quanh với tần suất theo hướng dẫn của cơ quan thú y.

- Loại hóa chất sử dụng: Các loại hóa chất thuộc danh mục được phép lưu hành, sử dụng tại Việt Nam.

- Địa điểm: Thực hiện tại 17/17 huyện, thị xã, thành phố và đầu mối giao thông.

- Số lượng hóa chất ước tính sử dụng trong năm: Khoảng hơn 24.000 lít từ nguồn ngân sách và ngoài ra các tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản chủ động mua để sử dụng, trong đó:

+ Ngân sách tỉnh bố trí mua 10.000 lít dự trữ tại kho của Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh để phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh trên địa bàn cả tỉnh; cấp hỗ trợ một phần cho các địa phương khi có dịch bệnh xảy ra và thực hiện các tháng vệ sinh khử trùng tiêu độc môi trường do Trung ương hoặc tỉnh triển khai khi tình hình dịch bệnh trong nước và khu vực có diễn biến phức tạp có khả năng lây lan vào địa bàn tỉnh.

+ Các địa phương chủ động nguồn hóa chất theo kế hoạch của địa phương để triển khai các đợt vệ sinh khử trùng tiêu độc môi trường phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn. Ngoài ra, thường xuyên tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có các hoạt động chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, buôn bán, giết mổ động vật, sản phẩm động vật tự chủ động nguồn hóa chất để thực hiện vệ sinh khử trùng tiêu độc môi trường tại khu vực chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, buôn bán, giết mổ.

- Đối tượng:

+ Tại các khu vực nguy cơ phát dịch cao như khu vực chăn nuôi, giết mổ, bãi chăn thả động vật; cơ sở sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật; chợ buôn bán động vật và sản phẩm động vật; các Trạm kiểm dịch động vật, Chốt kiểm soát dịch bệnh, phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật,...

+ Tại các cơ sở sản xuất giống, thu gom, nuôi dưỡng, kinh doanh và nuôi trồng thủy sản.

3.3.5 Kiểm dịch vận chuyển, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y

- Tổ chức thực hiện công tác kiểm dịch; kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y theo quy định.

- Tại các Trạm kiểm dịch động vật đầu mối giao thông duy trì hoạt động 24/24 giờ; xử lý những trường hợp vi phạm vận chuyển động vật, sản phẩm động vật trên cạn và thủy sản qua Trạm không tuân thủ quy định về vận chuyển động vật, sản phẩm động vật.

- Tăng cường kiểm soát việc lưu thông, giết mổ, tiêu thụ động vật, sản phẩm động vật và thủy sản trên địa bàn; quản lý chặt các cơ sở kinh doanh, buôn bán gia súc, gia cầm, tổ chức ký cam kết thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh và không sử dụng chất cấm trong việc giết mổ gia súc, gia cầm.

3.3.6 Quản lý hoạt động kinh doanh thuốc thú y và người hành nghề thú y

- Tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh thuốc thú y và người hành nghề thú y, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y; chứng chỉ hành nghề thú y theo quy định.

- Rà soát, thống kê, lập danh sách quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuốc thú y trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức kiểm tra việc tuân thủ quy định trong quá trình buôn bán thuốc thú y, hành nghề thú y của các tổ chức, cá nhân theo quy định.

3.3.7 Xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật

- Hướng dẫn, khuyến khích các xã, phường, thị trấn, cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản xây dựng cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật; tuyên truyền những lợi ích khi được công nhận là cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật để các tổ chức, cá nhân chủ động xây dựng cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật.

- Tập trung xây dựng Kế hoạch, Đề án, chuẩn bị các điều kiện để xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật đối với các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm như bệnh LMLM gia súc; bệnh VDNC, Tụ huyết trùng ở trâu, bò; bệnh Dịch tả lợn cổ điển, DTLC ở lợn; Đại chớ, mèo; bệnh Niu cát xơn, Cúm ở gia cầm,... theo quy định tại Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật và được UBND tỉnh ban hành theo Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 09/01/2024 về triển khai các nhiệm vụ trọng tâm nhằm tăng cường năng lực quản lý, kiểm soát dịch bệnh động vật và đảm bảo an toàn thực phẩm có nguồn gốc động vật trên địa bàn tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2023-2030.

- Duy trì các cơ sở đã được cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh. Tổ chức giám sát dịch bệnh, thẩm định, kiểm tra, đánh giá và công nhận vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh khi đủ điều kiện theo quy định; định kỳ báo cáo cập nhật danh sách vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh được cấp theo quy định.

3.4. Giải pháp thông tin, tuyên truyền, tập huấn

a) **Phối hợp các cơ quan báo chí, đài phát thanh, truyền hình:** Thông tin về diễn biến tình hình dịch bệnh của đàn vật nuôi trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, phổ biến các quy định của pháp luật về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn và thủy sản; quy định về chính sách hỗ trợ trong công tác phòng, chống dịch bệnh; kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y, chăn nuôi an toàn sinh học, thực hiện các biện pháp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai các biện pháp

phòng, chống dịch bệnh, tái đàn, thực hiện quản lý kiểm soát giết mổ, quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn quản lý; đồng thời trực tiếp tuyên truyền đến các hộ chăn nuôi, kinh doanh, buôn bán giết mổ gia súc, gia cầm về chăn nuôi an toàn, giết mổ đảm bảo vệ sinh,...

b) Thông qua các lớp tập huấn, các cuộc họp, các buổi tuyên truyền, nói chuyện: Cung cấp thông tin về tình hình dịch bệnh; các kiến thức về chăn nuôi; phòng, chống dịch bệnh như chẩn đoán, giám sát dịch bệnh; cung cấp các kỹ năng về chăm sóc, nuôi dưỡng gia súc, gia cầm, thủy sản, phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm, thủy sản.

4. Nguồn kinh phí và cơ chế tài chính

4.1 Nguồn kinh phí

- Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch: Ngân sách nhà nước; kinh phí của các tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi, thú y, thủy sản và nguồn kinh phí hợp pháp được huy động từ các nguồn lực khác.

- Yêu cầu các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố đẩy mạnh các giải pháp thông tin, tuyên truyền, vận động nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của các doanh nghiệp, trang trại, người chăn nuôi trên địa bàn tỉnh, tăng cường xã hội hóa công tác phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn, thủy sản nhất là việc tiêm vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm. Ngoài số lượng vắc xin do ngân sách nhà nước hỗ trợ tiêm cho các đối tượng là hộ chăn nuôi, các tổ chức, cá nhân chăn nuôi chủ động bố trí kinh phí mua vắc xin tiêm phòng cho đàn vật nuôi, đảm bảo tỷ lệ tiêm phòng đạt tối thiểu 80% tổng đàn thuộc diện tiêm đối với vắc xin phòng bệnh LMLM cho đàn trâu, bò, lợn nái, đực giống; trên 80% tổng đàn trâu, bò đối với vắc xin phòng bệnh VDNC; tối thiểu 80% tổng đàn gia cầm thuộc diện tiêm đối với vắc xin phòng bệnh CGC; 80% tổng đàn chó, mèo đối với vắc xin phòng bệnh Đại. Riêng đối với vắc xin DTLCP chỉ đạo cơ quan chuyên môn nghiên cứu hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 4870/BNN-TY ngày 24/7/2023 về sử dụng vắc xin phòng bệnh DTLCP để triển khai trên địa bàn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương đảm bảo an toàn, hiệu quả trong chăn nuôi.

4.2. Cơ chế tài chính

a) Ngân sách tỉnh

- Đảm bảo kinh phí cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ chi của cơ quan thú y cấp tỉnh bao gồm:

+ Kinh phí mua 90.224 liều vắc xin Đại (Tiêm cho chó, mèo của các đối tượng được hỗ trợ theo Quyết định số 2151/QĐ-TTg ngày 21/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia phòng, chống bệnh Đại giai đoạn 2022-2030).

+ Kinh phí mua 10.000 lít hóa chất dũ trữ tại tuyến tỉnh để phục vụ tiêu độc, khử trùng phòng, chống dịch bệnh động vật.

+ Kinh phí thực hiện nội dung giám sát công tác phòng, chống dịch bệnh tại các địa phương, giám sát lưu hành vi rút gây bệnh và giám sát sau tiêm phòng.

Tổng kinh phí ngân sách tỉnh: 3.628.950.600 đồng (Ba tỷ, sáu trăm hai mươi tám triệu, chín trăm năm mươi ngàn, sáu trăm đồng).

(có Phụ lục II kèm theo)

- Trường hợp dịch bệnh động vật bùng phát, có chiều hướng lây lan ra diện rộng, địa phương không đảm bảo đủ số lượng vắc xin, hóa chất để kịp thời phòng, chống dịch

bệnh báo cáo, đề xuất Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo UBND tỉnh đề nghị Trung ương xuất cấp hỗ trợ từ nguồn dự trữ quốc gia theo quy định. Nếu hỗ trợ từ nguồn dự trữ quốc gia theo quy định không đảm bảo kinh phí để kịp thời phòng, chống dịch bệnh thì báo cáo Sở Tài chính đề tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét hỗ trợ một phần kinh phí từ nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh.

b) Ngân sách cấp huyện: Bảo đảm kinh phí cho các hoạt động của tuyến địa phương, bao gồm:

- Kinh phí mua vắc xin để tiêm phòng đối với đàn vật nuôi thuộc diện tiêm phòng của các hộ chăn nuôi trên địa bàn đảm bảo tỷ lệ tiêm phòng các loại vắc xin theo quy định. Yêu cầu hỗ trợ đúng đối tượng, đẩy mạnh công tác xã hội hóa để đảm bảo tỷ lệ tiêm phòng đạt 80% trên tổng đàn đối với các loại vắc xin LMLM, VDNC cho đàn trâu, bò; vắc xin Đại cho đàn chó, mèo. Đối với việc tiêm phòng các loại vắc xin như Tụ huyết trùng, Kép (THT+Phó thương hàn), Dịch tả lợn tiêm kèm Kép, Dịch tả lợn Châu Phi,... đề nghị các địa phương căn cứ tình hình dịch bệnh, ngân sách địa phương bố trí ngân sách để hỗ trợ để đảm bảo phòng, chống dịch bệnh, ổn định sản xuất chăn nuôi trên địa bàn.

- Kinh phí mua hóa chất để triển khai vệ sinh, khử trùng tiêu độc theo Kế hoạch riêng của địa phương.

- Ngoài ra, bố trí kinh phí: Tiền công tiêm phòng; thẩm định giá vắc xin, in ấn biểu mẫu tiêm phòng, in giấy chứng nhận tiêm phòng; vận chuyển, bảo quản vắc xin, hóa chất; kinh phí phục vụ công tác chỉ đạo, triển khai tiêm phòng tại địa phương. Kinh phí thẩm định giá hóa chất; kinh phí triển khai công tác tiêu độc khử trùng. Chủ động bố trí nguồn kinh phí thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm và thủy sản như: Kinh phí tổ chức phòng, chống dịch; mua vắc xin tiêm phòng bao vây ổ dịch; lấy mẫu xác định nguyên nhân gây bệnh, duy trì hoạt động của các Chốt kiểm soát dịch bệnh động vật tạm thời do địa phương thành lập; công tiêm phòng vắc xin bao vây khẩn cấp ổ dịch, tiêu độc khi có dịch xảy ra (nếu có); kinh phí hỗ trợ cho người chăn nuôi có gia súc, gia cầm, thủy sản bị tiêu hủy do dịch bệnh theo quy định. Đảm bảo kinh phí thực hiện các chương trình như chương trình phòng, chống bệnh LMLM, DTLCP, VDNC, Đại... và các bệnh truyền nhiễm lây lan giữa người và động vật tại địa phương. Bố trí kinh phí thực hiện các chương trình, kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật do địa phương triển khai; kinh phí tuyên truyền, tập huấn công tác phòng, chống dịch bệnh động vật; các khoản kinh phí khác trong công tác phòng, chống dịch bệnh động vật tại địa phương.

c) Kinh phí của các tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi, thú y, thủy sản: Người chăn nuôi phải có trách nhiệm chủ động phòng, chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi của mình như mua các loại vắc xin để tiêm phòng theo quy trình chăn nuôi; mua các loại hóa chất, vôi bột... để tiêu độc, vệ sinh chuồng trại, ao nuôi, khu vực chăn nuôi nhằm tiêu diệt mầm bệnh... Thực hiện tiêm phòng, tiêu độc, phòng, chống dịch bệnh động vật theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

5. Tổ chức thực hiện

5.1 Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan và UBND cấp huyện triển khai thực hiện Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn và thủy sản được UBND tỉnh phê duyệt;

- Chỉ đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y thực hiện:

+ Tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai các nội dung của Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn và thủy sản trên địa bàn tỉnh, trong đó tổ chức mua vắc xin Đại, hóa chất để cấp cho các địa phương triển khai theo Kế hoạch.

+ Phối hợp với UBND cấp huyện, các cơ quan liên quan: Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn triển khai công tác phòng, chống dịch bệnh động vật và thủy sản trên địa bàn tỉnh đạt hiệu quả, hạn chế dịch bệnh phát triển, lây lan làm ảnh hưởng đến phát triển sản xuất chăn nuôi.

+ Tăng cường chỉ đạo thực hiện công tác kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y góp phần phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn và thủy sản và an toàn vệ sinh thực phẩm; xử lý các trường hợp vi phạm quy định.

+ Tổ chức giám sát công tác tiêm phòng; lấy mẫu giám sát sau tiêm phòng; lấy mẫu giám sát dịch bệnh;...

+ Tổ chức báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.

- Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn và thủy sản trên địa bàn tỉnh.

- Tổng hợp kết quả, báo cáo định kỳ, đột xuất cho UBND tỉnh hình dịch bệnh động vật và các nội dung thuộc Kế hoạch này.

5.2. Sở Tài chính: Trên cơ sở dự toán của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập, tổng hợp, cân đối ngân sách để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành để triển khai thực hiện phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn và thủy sản theo Kế hoạch này.

5.3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Tổ chức thực hiện các nội dung thuộc Kế hoạch tại địa phương và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh nếu để dịch bệnh lây lan ra diện rộng do chủ quan, lơ là, thiếu sự phối hợp trong công tác phòng, chống dịch và chậm tiến độ trong việc triển khai công tác phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn quản lý.

- Xây dựng Kế hoạch chi tiết triển khai các nội dung phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn và thủy sản năm 2025 trên địa bàn (theo Kế hoạch UBND tỉnh đã phê duyệt), trong đó đặc biệt chú trọng đến các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm của động vật trên cạn và thủy sản; các bệnh truyền lây giữa người và động vật (như Cúm gia cầm, Đại chó, mèo,...); tiếp nhận vắc xin, hóa chất xây dựng các kế hoạch tiêm phòng, tiêu độc khử trùng, phương án tổ chức phòng, chống dịch bệnh; tổ chức lấy mẫu gửi xét nghiệm khi nghi ngờ có bệnh truyền nhiễm xảy ra; triển khai các biện pháp phòng, chống dịch và công bố dịch theo quy định của pháp luật.

- Bố trí đầy đủ kinh phí để đảm bảo triển khai thực hiện Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn và thủy sản năm 2025 theo Kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt, nhất là kinh phí mua các loại vắc xin tiêm phòng cho đàn gia súc để đảm bảo tỷ lệ tiêm phòng theo quy định, kinh phí mua hóa chất tiêu độc khử trùng và các khoản kinh phí khác theo cơ chế tài chính nêu tại Kế hoạch này.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác quản lý, kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc kinh doanh, giết mổ, vận chuyển, buôn bán động vật, sản phẩm động vật đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm phục vụ người tiêu dùng. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn cấp huyện phối hợp với UBND cấp xã tổ chức tiêm phòng vắc xin cho đàn vật nuôi và chủ động giám sát sau tiêm phòng các loại vắc xin, kịp thời phát hiện, xử lý những biểu hiện bất thường, hạn chế thiệt hại; tiêu độc khử trùng; tăng cường, tuyên truyền, tập huấn hướng dẫn cho các hộ có liên quan đến chăn nuôi, buôn bán, giết mổ chủ động giám sát, nhận biết, khai báo khi nghi ngờ dịch bệnh xảy ra và triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh; xử lý kịp thời, không để phát sinh thành dịch.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động xã hội hóa tiêm phòng các loại vắc xin, nhất là các đối tượng không được hỗ trợ tiêm từ nguồn ngân sách nhà nước, đảm bảo đạt tỷ lệ tiêm phòng theo quy định.

- Chỉ đạo UBND cấp xã tổ chức thống kê, quản lý đàn gia súc, gia cầm, chó, mèo và thống kê, quản lý nuôi trồng thủy sản trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức báo cáo định kỳ, đột xuất tình hình dịch bệnh, kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo dõi, chỉ đạo.

5.4. Tổ chức cá nhân có hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y, thủy sản

Chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi như tiêm phòng, tiêu độc khử trùng, áp dụng các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh,...; thực hiện các quy định về thực hiện chăn nuôi, nuôi trồng, phòng, chống dịch bệnh theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

Trên đây là Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn và thủy sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2025. UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan; chính quyền địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan nghiêm túc thực hiện.

Trong quá trình triển khai, nếu gặp khó khăn, vướng mắc hoặc phát hiện những thiếu sót, bất cập thì phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Phụ lục I

Bảng tổng hợp các loại vắc xin dự kiến sử dụng năm 2025

(kèm theo Kế hoạch Phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn và thủy sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2025
tại Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh Gia Lai)

stt	Địa phương	Vắc xin sử dụng cho trâu, bò (liều)			Vắc xin sử dụng cho lợn (liều)	Vắc xin Đại chó, mèo (liều)
		LMLM (2 đợt/năm)	VDNC	THT	Kép (THT+PTH nhược độc) và Dịch tả lợn tiêm kèm Kép	
1	Thành phố Pleiku	22.700	11.350	11.350	24.400	2.150
2	Thị xã An Khê	21.700	8.000			600
3	Thị xã Ayun Pa	17.850	8.925	8.925	2.420	2.800
4	Huyện Chư Păh	23.200	11.100	9.250	5.200	4.000
5	Huyện Chư Prông	30.000	15.000			4.354
6	Huyện Chư Puh	38.500	19.250			15.252
7	Huyện Chư Sê	42.700	21.350	10.000		6.750
8	Huyện Đak Đoa	33.200	14.000	14.000	11.300	8.500
9	Huyện Đức Cơ	17.800	8.900	8.900	4.710	7.560
10	Huyện Kbang	36.000	15.000	10.000	4.500	2.686
11	Huyện Kông Chro	76.000	38.000	20.000	2.000	5.200
12	Huyện Krông Pa	114.000	57.000	57.000	14.800	7.100
13	Huyện Ia Grai	26.000	13.000	11.000	15.000	4.000
14	Huyện Ia Pa	50.000	25.000	15.000	1.000	6.162
15	Huyện Mang Yang	30.600	15.300	15.300		5.400
16	Huyện Đak Pơ	28.750	4.550			3.210
17	Huyện Phú Thiện	36.000	18.000	18.000	2.500	4.500
Tổng cộng		645.000	303.725	208.725	87.830	90.224

✓

Phụ lục II

Kinh phí cấp phục vụ hoạt động phòng, chống dịch bệnh năm 2025 tại tuyến tỉnh

(kèm theo Kế hoạch Phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn và thủy sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2025 tại Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh Gia Lai)

ĐVT: đồng

stt	Loại hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
I	Kinh phí mua hóa chất tiêu độc khử trùng phòng, chống dịch bệnh động vật				1.745.700.000	
1	Hóa chất	lít	10.000	173.250	1.732.500.000	Theo báo giá của công ty CP thuốc Thú y trung Navetco
2	Thẩm định giá	lần	1	13.200.000	13.200.000	Theo báo giá của công ty CP thẩm định giá Nam Trung Bộ và cộng 10% VAT
II	Kinh phí mua vắc xin Đại				1.716.233.600	
1	Vắc xin Đại	liều	90.224	18.900	1.705.233.600	Kế hoạch số 568/KH-UBND ngày 25/3/2022 về Kế hoạch phòng, chống bệnh Đại trên địa bàn tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2022-2030 và Kế hoạch số 2354/KH-UBND ngày 11/10/2024 sửa đổi, bổ sung Kế hoạch số 568/KH-UBND ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh về phòng, chống bệnh Đại trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2022-2030 Theo báo giá của công ty CP thuốc Thú y trung Navetco
2	Thẩm định giá	lần	1	11.000.000	11.000.000	Theo báo giá của công ty CP thẩm định giá Nam Trung Bộ và cộng 10% VAT
III	Lấy mẫu giám sát lưu hành vi rút Dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn tỉnh: lấy 29 mẫu/01 đợt				16.608.000	Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch phòng, chống bệnh DTLCP trên địa bàn tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2020-2025

62

1	Chi phí xét nghiệm mẫu	mẫu	29	522.000	15.138.000	- Số lượng, loại mẫu theo quy định của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT; - Phát hiện bằng kỹ thuật Real time PCR đối với vi rút DTLCP tại Quyết định số 01/QĐ-TYV5 ngày 01/1/2023 của Chi cục Thú y vùng 5.
2	Chi phí mua dụng cụ lấy mẫu				848.000	Chi theo thực tế
-	Kim, xi ranh, ống đựng huyết thanh chứa chất chống đông	bộ	29	12.000	348.000	
-	Chi phí khác (thùng bảo quản, bao tay, khẩu trang, bông, cồn, băng keo, đá bảo quản...)	Lần	1	500.000	500.000	
3	Hỗ trợ công lấy mẫu	mẫu	29	18.000	522.000	Giá dịch vụ theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật và Quyết định số 37/QĐ-CCCNTY ngày 18/9/2017 của Chi cục Chăn nuôi và Thú y
4	Tiền bảo quản, vận chuyển gửi mẫu từ tp. Pleiku đến Tp. Buôn Ma Thuột - Đắk Lắk	lần	1	100.000	100.000	Chi theo thực tế
IV	Lấy mẫu giám sát lưu hành vi rút Cúm gia cầm trên gia cầm nhập lậu khi bị bắt giữ: dự kiến thực hiện 1 lần				41.664.000	Kế hoạch 730/KH-UBND ngày 09/4/2019 của UBND về phòng, chống bệnh Cúm gia cầm giai đoạn 2019 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai
1	Chi phí xét nghiệm mẫu				38.019.000	- Loại mẫu, số lượng mẫu theo quy định của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT.
-	Xác định subtype H5	mẫu gộp	29	585.000	16.965.000	- Phát hiện và định type bằng kỹ thuật RT-PCR đối với 01 trong số những vi rút gây bệnh: Xác định subtype cúm gia cầm (1 subtype (gene): H5, N1, N6 hoặc N8 theo Quyết định số 01/QĐ-TYV5 ngày 01/01/2023 của Chi cục Thú y vùng 5.
-	Xác định subtype N1	mẫu gộp	29	242.000	7.018.000	
-	Xác định subtype N6	mẫu gộp	29	242.000	7.018.000	
-	Xác định subtype N8	mẫu gộp	29	242.000	7.018.000	
2	Ống dung dịch môi trường bảo quản mẫu	ống	29	65.000	1.885.000	Chi theo thực tế
3	Dụng cụ lấy mẫu (tăm bông, khẩu trang, bao tay, thùng bảo quản mẫu...)	lần	1	500.000	500.000	Chi theo thực tế

4	Tiền bảo quản, vận chuyển gửi mẫu (từ TP.Pleiku đến TP.Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk)	Lần	1	100.000	100.000	
5	Hỗ trợ tiền công lấy mẫu (lấy 145 mẫu swab (05 mẫu gộp thành 01 mẫu)) thành 29 mẫu gộp	mẫu	145	8.000	1.160.000	Giá dịch vụ theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật và Quyết định số 37/QĐ-CCCNTY ngày 18/9/2017 của Chi cục Chăn nuôi và Thú y
V	Lấy mẫu giám sát lưu hành vi rút Lở mồm long móng: Lấy 29 mẫu/01 đợt				19.515.000	- Căn cứ Quyết định số 1632/QĐ-TTg ngày 22/10/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phòng, chống bệnh Lở mồm long móng trên địa bàn tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2021 - 2025.
1	Hỗ trợ tiền công lấy mẫu: Mẫu Propang	mẫu	29	30.000	870.000	- Số lượng lấy mẫu theo hướng dẫn tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT - Giá dịch vụ theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật và Quyết định số 37/QĐ-CCCNTY ngày 18/9/2017 của Chi cục Chăn nuôi và Thú y
2	Chi phí xét nghiệm mẫu: Phát hiện bằng kỹ thuật Real time Rt-PCR đối với 01 trong số những vi rút RNA gây bệnh LMLM	mẫu	29	585.000	16.965.000	Quyết định số 01/QĐ-TYV5 ngày 01/01/2024 của Chi cục Thú y vùng 5
3	Chi phí bảo quản, vận chuyển gửi mẫu đến cơ quan xét nghiệm (Tp.Pleiku, Gia Lai đến Tp.Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk)	lần	1	100.000	100.000	Chi theo thực tế
4	Chi phí mua dụng cụ lấy mẫu				1.580.000	

-	Tiền dụng cụ lấy mẫu, tấm bông lấy mẫu, ống bảo quản mẫu	Cái	29	20.000	580.000	Chi theo thực tế
-	Chi phí khác (dụng cụ cố định gia súc, găng tay, khẩu trang, thùng bảo quản, bông, cùn, băng keo, đá bảo quản....)	lần	1	1.000.000	1.000.000	Chi theo thực tế
VI	Lấy mẫu giám sát sau tiêm phòng vắc xin LMLM: 02 đợt/năm. Mỗi đợt 61 mẫu. Đối với vắc xin LMLM 2 type O&A thực hiện định tính kháng thể 02 serotype O&A				46.852.000	- Căn cứ Quyết định số 1632/QĐ-TTg ngày 22/10/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phòng, chống bệnh Lở mồm long móng trên địa bàn tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2021 - 2025.
1	Hỗ trợ tiền công lấy mẫu (cả năm): Mẫu huyết thanh	mẫu	122	30.000	3.660.000	- Số lượng lấy mẫu theo hướng dẫn tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT - Giá dịch vụ theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật và Quyết định số 37/QĐ-CCCNTY ngày 18/9/2017 của Chi cục Chăn nuôi và Thú y
2	Chi phí xét nghiệm mẫu (cả năm):	mẫu			39.528.000	- Nội dung thực hiện theo hướng dẫn Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT, ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
-	Định tính kháng thể bệnh LMLM (01 serotype O) bằng phương pháp LP ELISA	mẫu	122	162.000	19.764.000	'- Chi phí xét nghiệm mẫu căn cứ Quyết định 1790/QĐ-TYV6, ngày 30/12/2016 của Chi cục Thú y vùng 6.
-	Định tính kháng thể bệnh LMLM (01 serotype A) bằng phương pháp LP ELISA	mẫu	122	162.000	19.764.000	
3	Tiền vận chuyển, bảo quản mẫu gửi đến cơ quan xét nghiệm (TP.Pleiku đến TP.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk)	lần	2	100.000	200.000	Chi theo thực tế
4	Chi phí mua dụng cụ lấy mẫu				3.464.000	Chi theo thực tế
-	Tiền mua kim, xy ranh, ống đựng huyết thanh	cái	122	12.000	1.464.000	

-	Chi phí khác (dụng cụ cố định gia súc, găng tay, khẩu trang, thùng bảo quản, bông, cùn, băng keo, đá bảo quản....)	lần	2	1.000.000	2.000.000	
VII	Lấy mẫu giám sát lưu hành vi rút Viêm da nổi cục ở bò: Lấy 29 mẫu/ đợt. Dự kiến lấy tại 03 địa phương.				17.688.000	- Căn cứ Quyết định số 1814/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định số 75/KH-UBND ngày 13/01/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phòng, chống bệnh Viêm da nổi cục ở trâu, bò trên địa bàn tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2022-2030
1	Hỗ trợ công lấy mẫu: Mẫu dịch mũi	mẫu	29	30.000	870.000	- Số lượng lấy mẫu theo hướng dẫn tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT - Giá dịch vụ theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật và Quyết định số 37/QĐ-CCCNTY ngày 18/9/2017 của Chi cục Chăn nuôi và Thú y
2	Chi phí xét nghiệm mẫu:	mẫu	29	522.000	15.138.000	Quyết định số 01/QĐ-TYV5 ngày 01/01/2023 của Chi cục Thú y vùng 5
3	Tiền vận chuyển, bảo quản mẫu gửi đến cơ quan xét nghiệm (TP.Pleiku đến TP.Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk)	lần	1	100.000	100.000	Chi theo thực tế
4	Chi phí dụng cụ lấy mẫu				1.580.000	
-	Tiền dụng cụ lấy mẫu, tấm bông lấy mẫu, ống bảo quản mẫu	lần	29	20.000	580.000	Chi theo thực tế
-	Chi phí khác (dụng cụ cố định gia súc, thùng bảo quản, găng tay, khẩu trang, bông, cùn, băng keo, đá bảo quản....)	lần	1	1.000.000	1.000.000	Chi theo thực tế

VIII	Lấy mẫu giám sát lưu hành vi rút Đại chó: Dự kiến lấy 3 lần				24.690.000	Kế hoạch 568/KH-UBND ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh Kế hoạch phòng, chống bệnh Đại trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2022-2030
1	Chi phí mua mẫu	Mẫu	29	160.000	4.640.000	Chi theo thực tế
2	Chi phí xét nghiệm mẫu	Mẫu	29	585.000	16.965.000	- Số lượng, loại mẫu theo quy định của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT; - Phát hiện bằng kỹ thuật Real time RT-PCR đối với vi rút Đại tại Quyết định số 01/QĐ-TYV5 ngày 01/01/2023 của Chi cục Thú y vùng 5.
3	Chi phí mua dụng cụ lấy mẫu				2.553.000	Chi theo thực tế
-	Găng tay	Hộp	2	246.000	492.000	
-	Khẩu trang	Cái	10	30.000	300.000	
-	Áo bảo hộ liền quần Tivek	Bộ	3	225.000	675.000	
-	Còn 70 độ	Chai	2	68.000	136.000	
-	Thùng bảo quản mẫu	Thùng	3	100.000	300.000	Chi theo thực tế
-	Dao	Cái	1	150.000	150.000	Chi theo thực tế
-	Chi phí khác (bông, còn, băng keo, đá bảo quản...)	Lần	1	500.000	500.000	Chi theo thực tế
4	Hỗ trợ công lấy mẫu	Mẫu	29	8.000	232.000	Giá dịch vụ theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật và Quyết định số 37/QĐ-CCCNTY ngày 18/9/2017 của Chi cục Chăn nuôi và Thú y
5	Tiền bảo quản, vận chuyển gửi mẫu từ tp. Pleiku đến Tp. Buôn Ma Thuột - Đăk Lăk	Lần	3	100.000	300.000	Chi theo thực tế
Tổng cộng					3.628.950.600	